

MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC : KỊCH, NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẢN ĐẠT

- Hiểu khái quát đặc điểm của một số thể loại văn học : kịch, nghị luận.
- Vận dụng những hiểu biết đó vào việc đọc văn.

I - KỊCH

1. Khái lược về kịch

Kịch là một loại hình nghệ thuật tổng hợp. Trong phạm vi văn học, loại văn bản kịch được nêu ra thực chất là phần văn bản của tác phẩm kịch (kịch bản văn học). Do kịch thường được viết ra để diễn (trong sân khấu và điện ảnh) nên tác phẩm kịch không thể chứa đựng một dung lượng hiện thực rộng lớn như truyện, cũng không thể lắng lại trong những mạch chìm của cảm xúc, suy nghĩ như thơ ca, mà kịch lựa chọn những *xung đột trong đời sống* làm đối tượng mô tả. Trong xung đột kịch, những vấn đề thuộc bản chất của hiện thực được dồn nén, quy tụ, nổi bật. *Xung đột kịch* được cụ thể hoá bằng *hành động kịch*, đó là sự tổ chức cốt truyện với các tình tiết, sự kiện, biến cố theo một diễn biến logic, chặt chẽ, nhất quán. Hành động kịch được thực hiện bởi các *nhân vật kịch*, chính trong quá trình đó nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình.

Trong kịch, các nhân vật được xây dựng bằng chính ngôn ngữ (lời thoại) của họ. Ngôn ngữ kịch có ba loại : đối thoại (lời của các nhân vật nói với nhau), độc thoại (lời nhân vật tự bộc lộ tâm tư, tình cảm của mình), bàng thoại (lời nhân vật nói riêng với người xem). Qua lời thoại, tính cách nhân vật, những vấn đề, những mâu thuẫn cũng như cuộc sống xã hội hiện dần lên. Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và tính khẩu ngữ cao.

Xét theo nội dung, ý nghĩa của xung đột, người ta phân ra ba loại kịch : bi kịch, hài kịch, chính kịch. Bi kịch phản ánh xung đột giữa những nhân vật cao thượng, tốt đẹp với những thế lực đen tối, độc ác ; sự thảm bại hay cái chết của những nhân vật ấy gợi lên nỗi xót xa, thương cảm – như *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia. Hài kịch khai thác những tình huống khôi hài, sự đối lập giữa vẻ ngoài đẹp đẽ với cái bên trong xấu xa nhằm làm bật lên tiếng cười chế giễu, mỉa mai – như *Lão hà tiện* của Mô-li-e. Chính kịch, cũng gọi là kịch, phản ánh mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống hàng ngày với bi hài, vui buồn lẫn lộn – như *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ. Xét theo hình thức ngôn ngữ trình diễn lại có *kịch thơ* (lời thoại bằng thơ), *kịch nói* (lời thoại bằng ngôn ngữ đời thường), *ca kịch* (lời thoại bằng hát, như tuồng, chèo, cải lương).

2. Yêu cầu về đọc kịch bản văn học

– Đọc kĩ lời giới thiệu, tiểu dẫn để có hiểu biết chung về tác giả, tác phẩm, thời đại mà tác phẩm ra đời, vị trí của đoạn trích trong toàn bộ tác phẩm.

– Tập trung chú ý vào lời thoại của các nhân vật. Ngôn ngữ kịch ngoài chức năng biểu đạt tư tưởng, tình cảm như lời nói thông thường còn mang tính hành động. Đó là những lời tranh luận, biện bác làm thay đổi tình thế, khắc sâu mâu thuẫn, thúc đẩy sự tiến triển của xung đột. Qua lời thoại, xác định quan hệ của các nhân vật, tìm hiểu đặc điểm, tính cách của từng nhân vật.

– Phân tích hành động kịch. Từ lời thoại, đặc điểm, tính cách và mối quan hệ tác động lẫn nhau của các nhân vật, tìm hiểu các tình tiết, sự kiện, biến cố tạo nên diễn biến của cốt truyện. Xác định rõ đâu là xung đột chủ yếu, đâu là xung đột thứ yếu, phân tích diễn tiến và kết quả của từng xung đột đó.

– Qua diễn tiến căng thẳng của xung đột và thái độ, hành động, số phận của các nhân vật trong xung đột, cần nêu rõ chủ đề tư tưởng, ý nghĩa xã hội của tác phẩm. Mọi giá trị của tác phẩm kịch đều khởi nguồn từ xung đột và nghệ thuật thể hiện xung đột. “Xung đột là cơ sở của kịch” (Pha-đê-ép).

II - NGHỊ LUẬN

1. Khái lược về văn nghị luận

Nghị luận là một thể loại văn học đặc biệt, dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn luận về một vấn đề nào đó (chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật, triết học, đạo đức,...). Vấn đề được nêu ra như một câu hỏi cần giải đáp, làm sáng tỏ. Luận là bàn về đúng, sai, phải, trái, khẳng định điều này, bác bỏ điều kia, để người ta nhận ra chân lí, đồng tình với mình, chia sẻ quan điểm và niềm tin của mình. Sức mạnh của văn nghị luận là ở sự sâu sắc của tư tưởng, tình cảm, tính mạch lạc, chặt chẽ của suy nghĩ và trình bày, sự thuyết phục của lập luận. Vận dụng các thao tác như giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, so sánh,... văn nghị luận tác động vào lí trí, nhận thức và cả tâm hồn người đọc, giúp họ hiểu rõ vấn đề đã nêu ra.

Văn nghị luận ngoài yếu tố trình bày, diễn giải, ít hoặc nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp còn có yếu tố tranh luận. Do đó, ngôn ngữ trong văn nghị luận cũng giàu hình ảnh và sắc thái biểu cảm, nhưng quan trọng nhất là “phải dùng từ với một sự chính xác nghiệt ngã” (M. Go-rơ-ki). Ngôn ngữ văn nghị luận mang tính xã hội và tính học thuật cao.

Xét theo nội dung luận bàn, người ta phân văn nghị luận làm hai thể : *văn chính luận* (luận bàn về các vấn đề chính trị, xã hội, triết học, đạo đức), *văn phê bình văn học* (luận bàn về các vấn đề văn học nghệ thuật). Văn nghị luận thời trung đại có các bài *chiếu, cáo, hịch, bình sử, điều trần, bài luận,...* (*Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Đại cáo bình Ngô* của

Nguyễn Trãi, *Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm,...). Văn nghị luận hiện đại gồm các bài tuyên ngôn, lời kêu gọi, bài bình luận, phê bình, tranh luận, bút chiến, xã luận, ngôn luận,... (*Tuyên ngôn Độc lập* và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Đạo đức và luân lý Đông Tây* của Phan Châu Trinh, *Một thời đại trong thi ca* của Hoài Thanh,...).

2. Yêu cầu về đọc văn nghị luận

– Tìm hiểu thân thế tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm nghị luận. Từ đó nhận xét : Vấn đề nêu lên trong tác phẩm xuất phát từ nhu cầu nào của thực tế, có tầm quan trọng như thế nào với cuộc sống, với lĩnh vực được luận bàn ?

– Văn nghị luận trước hết thể hiện những tư tưởng, lí tưởng của con người (tư tưởng chính trị, xã hội, quan điểm, tư tưởng văn học nghệ thuật,...). Phải nắm bắt mạch suy nghĩ, sự vận động của tư tưởng theo tiến trình diễn giải, trình bày vấn đề. Chú ý tóm lược các luận điểm và xác định mối quan hệ giữa chúng với nhau.

– Cảm nhận tâm tư, tình cảm như một mạch chìm trong dòng chảy của tác phẩm nghị luận. Các sắc thái của cảm xúc, những cung bậc của tình cảm thể hiện trong sự luận bàn làm tăng sức thuyết phục của tác phẩm nghị luận.

– Phân tích nghệ thuật lập luận, cách nêu chứng cứ, sử dụng ngôn ngữ, tác dụng của các biện pháp đó với từng vấn đề được trình bày trong nội dung tác phẩm.

– Nêu khái quát giá trị của tác phẩm nghị luận về cả hai phương diện : nghệ thuật biểu hiện và nội dung tư tưởng. Có thể rút ra những bài học sâu sắc từ tác phẩm nghị luận được học.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy nêu đặc trưng của kịch, các kiểu loại kịch và yêu cầu về đọc kịch bản văn học.
2. Tóm lược đặc trưng của văn nghị luận, các kiểu loại văn nghị luận và yêu cầu về đọc văn nghị luận.

GHI NHỚ

- Kịch tái hiện những xung đột trong cuộc sống qua diễn tiến của cốt truyện kịch, qua lời thoại và hành động của các nhân vật kịch.
- Văn nghị luận trình bày trực tiếp tư tưởng, quan điểm, tình cảm về những vấn đề mà xã hội quan tâm bằng lí lẽ, chứng cứ có sức thuyết phục.

LUYỆN TẬP

1. Phân tích xung đột kịch trong đoạn trích *Tình yêu và thù hận* (trích kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia).
2. Phân tích nghệ thuật lập luận trong văn bản *Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác* (Ăng-ghen).